

Số: 02/2021/QĐST-DS

Hà Giang, ngày 14 tháng 4 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 06 tháng 4 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 07/2019/TLST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phan Văn M; chị Phan Thị B; chị Phan Thị N. Cùng đại chỉ: Thôn H, xã H, huyện B, tỉnh Hà Giang.

Bị đơn: Ông Phan Văn T; địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Hà Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân huyện B. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phùng Viết V - Chức vụ: Chủ tịch UBND huyện B. Người được uỷ quyền: Bà Nguyễn Thị N Q - Trưởng phòng TN&MT huyện B.

- Bà Phan Thị S, ông Nguyễn Cao C. Người đại diện theo uỷ quyền của ông Nguyễn Cao C: Bà Nguyễn Thị S; cùng địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện B, tỉnh Hà Giang.

- Chị Phan Thị T; Anh Lê Đắc D. Người đại diện theo uỷ quyền của anh Lê Đắc D: Chị Phan Thị T; cùng địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Hà Giang;

- Bà Hoàng Thị H. Người đại diện theo uỷ quyền của bà Hoàng Thị H: Ông Phan Văn T; cùng địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Hà Giang.

- Bà Phan Thị T; địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện B, tỉnh Hà Giang. Người được uỷ quyền: Bà Phan Thị S; địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện B, tỉnh Hà Giang.

- Bà Nguyễn Thị K. Hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Công P; địa chỉ: Tổ 9, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Đối với yêu cầu khởi kiện "Tranh chấp chia di sản thừa kế" các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc phân chia di sản thừa kế của cụ Phan Đức T (đã chết) là quyền sử dụng đất, bao gồm:

2.1.1 Đối với thửa đất số 223a, 223b, 223c, tờ bản đồ số 8, bản đồ địa chính xã H, huyện B, tỉnh Hà Giang (có nguồn gốc đất của cụ Phan Đức T) các đương sự cùng thống nhất đặt ký hiệu tên gọi của các thửa đất theo sơ đồ xác định ranh giới được lập ngày 06/4/2021 là thửa 338, thửa 339, thửa 340, thửa 341 và thỏa thuận phân chia như sau:

a. Ông Phan Văn T, bà Hoàng Thị H được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 300m² tại thửa đất 338 gồm loại đất ở và đất trồng cây lâm nghiệp. Kích thước, tứ cận thửa đất như sau:

- Phía Đông giáp đất rừng anh Phan Văn M được giao quản lý, sử dụng, gồm các điểm 2, 3 có kích thước 10m;

- Phía Tây giáp quốc lộ 2, cách tim đường 15m gồm các điểm 1, 4 có kích thước 10m;

- Phía Nam giáp đất chị Phan Thị T được giao quản lý, sử dụng, gồm các điểm 4, 3 có kích thước 30m;

- Phía Bắc giáp đất ông Mai Văn N gồm các điểm 1, 2 có kích thước 30m;
(Theo sơ đồ xác định ranh giới ngày 06/4/2021)

b. Chị Phan Thị T, anh Lê Đắc D được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 150m² tại thửa đất số 339 gồm loại đất ở và đất trồng cây lâm nghiệp. Kích thước, tứ cận thửa đất như sau:

- Phía Đông giáp đất rừng anh Phan Văn M được giao quản lý, sử dụng gồm các điểm 3, 6 có kích thước 5m;

- Phía Tây giáp quốc lộ 2, cách tim đường 15m gồm các điểm 4, 5 có kích thước 5m;

- Phía Nam giáp đất bà Nguyễn Thị K nhận chuyển nhượng từ vợ chồng bà S, ông C gồm các điểm 5, 6 có kích thước 30m;

- Phía Bắc giáp đất ông Phan Văn Tọa được giao quản lý, sử dụng gồm các điểm 4, 3 có kích thước 30m.

(Theo sơ đồ xác định ranh giới ngày 06/4/2021)

c. Bà Nguyễn Thị K được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 540m² tại thửa đất số 340, gồm loại đất ở và đất trồng cây lâm nghiệp (nhận chuyển nhượng từ bà Phan Thị S, ông Nguyễn Cao C). Kích thước, tứ cận thửa đất như

sau:

- Phía Đông giáp đất vườn rừng bà Nguyễn Thị K nhận chuyển nhượng của bà Phan Thị S, ông Nguyễn Cao C nhưng bà K và anh M thỏa thuận sử dụng 10m x 18m làm lối đi chung, gồm các điểm 6, 7 có kích thước 18m;
- Phía Tây giáp quốc lộ 2, cách tim đường 15m gồm các điểm 5, 8 có kích thước 18m;
- Phía Nam giáp đất anh Phan Văn M được giao quản lý, sử dụng, gồm các điểm 8, 7 có kích thước 30m;
- Phía Bắc giáp đất chị Phan Thị T được giao quản lý, sử dụng, gồm các điểm 5, 6 có kích thước 30m.

(Theo sơ đồ xác định ranh giới ngày 06/4/2021)

d. Anh Phan Văn M, chị Phan Thị B, chị Phan Thị N được quản lý, sử dụng diện tích đất 240m², loại đất ở và đất trồng cây lâm nghiệp (phần diện tích đất tách ra từ GCNQSD đất của ông Phan Văn T số AB585268 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho ông Phan Văn T và bà Hoàng Thị H ngày 27/01/2005 tại thửa 223b tờ bản đồ số 8). Kích thước, tứ cận thửa đất như sau:

- Phía Đông giáp đất rừng của anh M, gồm các điểm 7, 10 có kích thước 8m;
- Phía Tây giáp quốc lộ 2, cách tim đường 15m gồm các điểm 8, 9 có kích thước 8m;
- Phía Nam giáp đất anh Phan Văn M đang sử dụng gồm các điểm 10, 9 có kích thước 30m;
- Phía Bắc giáp đất bà Nguyễn Thị K nhận chuyển nhượng từ vợ chồng bà S, có kích thước 30m.

(Theo sơ đồ xác định ranh giới ngày 06/4/2021)

2.1.2 Đối với diện tích đất vườn rừng tại thửa đất số 105, tờ bản đồ số 378 (nay là tờ bản đồ số 2) xã H có nguồn gốc đất của cụ Phan Đức T các đương sự thỏa thuận như sau:

a) Bà Nguyễn Thị K được quyền quản lý sử dụng 2.139m² - 180m² làm lối đi chung, loại đất vườn rừng tại thửa đất số 105, tờ bản đồ số 378 (nay là thửa đất số 245, tờ bản đồ số 2 xã H) do nhận chuyển nhượng từ bà Phan Thị S, ông Nguyễn Cao C. (Trong tổng diện tích 2.139m² đất vườn rừng bà Nguyễn Thị K đã được đăng ký biến động ngày 16/7/2018, bà K nhất trí trừ đi 10m chiều sâu x 18m chiều rộng để dùng làm lối đi chung). Vị trí, tứ cận thửa đất như sau:

- Phía Đông giáp đất rừng anh Phan Văn M được giao quản lý, sử dụng;
- Phía Tây giáp lối đi chung (phần đất vườn rừng nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà S, ông C chuyển nhượng cho bà K nhưng bà K nhất trí giành ra 10m x 18m sử dụng làm lối đi chung);

- Phía Nam giáp đất vườn rừng anh Phan Văn M được giao quản lý, sử dụng;

- Phía Bắc giáp đất vườn rừng anh Phan Văn M được giao quản lý, sử dụng.

* Các đương sự cùng nhất trí kích thước các cạnh sẽ được đo đạc, xác định cụ thể khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

b) Đối với diện tích 240m² đất vườn rừng thuộc thửa đất số 105b, tờ bản đồ số 378 (tách ra từ thửa đất số 105, tờ bản đồ số 378), bản đồ xã H, nằm trong Giấy CNQSD đất số AB 585269 do UBND huyện B cấp ngày 27/01/2005 mang tên bà Nguyễn Thị T, bà T cùng các đương sự nhất trí giao lại cho anh Phan Văn M quản lý, sử dụng.

c) Anh Phan Văn M, chị Phan Thị B, chị Phan Thị N được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất vườn rừng còn lại tại thửa đất số 105, tờ bản đồ số 378 nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện B cấp ngày 23/9/1993 cho cụ Phan Đức T (đã chết). Vị trí, tứ cận thửa đất như sau:

- Phía Đông giáp đất bà Tô Thị L, ông Lưu Xuân L đang sử dụng;

- Phía Tây một phần giáp đường quốc lộ 2 và các thửa đất 338, 339, 340, 341 ông T, chị T, bà K, anh M được giao quản lý sử dụng (theo sơ đồ xác định ranh giới ngày 06/4/2021);

- Phía Nam giáp quốc lộ 2;

- Phía Bắc giáp đất anh Mai Văn N đang sử dụng.

* Các đương sự cùng nhất trí kích thước các cạnh sẽ được đo đạc, xác định cụ thể khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2.1.3 Đối với loại đất lúa thuộc thửa đất số 202 và 197, tờ bản đồ số 8 xã H (*ký hiệu là khu 1 theo sơ đồ công bố kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 21/10/2020*) nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cụ Phan Đức T (đã chết) do UBND huyện B cấp ngày 23/9/1993, các đương sự thỏa thuận như sau:

a) Bà Phan Thị S, ông Nguyễn Cao C được toàn quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 420,8m² tại thửa đất 202. Tứ cận, vị trí thửa đất như sau:

- Phía Đông giáp quốc lộ 2 gồm các điểm 2,3,4,5,6,7,8,9,10,11.

- Phía Tây giáp thửa số 197 của bà S được giao quản lý, sử dụng gồm các điểm 31, 12.

- Phía Nam giáp đất ông Lê Xuân V đã tặng cho vợ chồng anh Nguyễn Anh T, gồm các điểm 11, 12 (trên sơ đồ ghi tên chủ đất cũ là ông Phạm Văn T).

- Phía Bắc giáp đất ruộng của vợ chồng bà Hoàng Thị T, ông Mai Văn M,

gồm các điểm 31, 1, 2.

b) Bà Phan Thị S, ông Nguyễn Cao C được toàn quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 730,2m² tại thửa đất 197. Tứ cận, vị trí thửa đất như sau:

- Phía Đông giáp thửa đất số 202 bà S được giao quản lý, sử dụng gồm các điểm 31, 12;

- Phía Tây giáp đất lúa bà S đang sử dụng, gồm các điểm 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23;

- Phía Nam giáp đất ông Lê Xuân V đã tặng cho vợ chồng anh Nguyễn Anh T, gồm các điểm 12, 13, 14;

- Phía Bắc giáp đất ruộng vợ chồng bà Hoàng Thị T, ông Mai Văn M gồm các điểm 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31.

(Theo sơ đồ mảnh trích đo địa chính số 43-2020 ngày 20/8/2020 được công bố kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 21/10/2020)

2.1.4. Đối với các thửa đất lúa số 216, 215, 221, 220 có tổng diện tích 2.005,7m² tờ bản đồ số 8, bản đồ địa chính xã H, huyện B, tỉnh Hà Giang nằm trong GCNQSD đất số C 306375 do UBND huyện B cấp ngày 23/9/1993 cho cụ Phan Đức T, các đương sự cùng thống nhất đặt ký hiệu tên gọi của các thửa đất là Khu 2 theo sơ đồ đo đạc kèm theo Biên bản công bố kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 21/10/2020 và nhất trí giao toàn bộ 04 thửa đất cho anh Phan Văn M, chị Phan Thị B, chị Phan Thị N được quản lý, sử dụng. Kích thước, tứ cận thửa đất như sau:

- Phía Đông giáp đường quốc lộ 2 gồm các điểm 49, 50;

- Phía Tây giáp đất của bà Bùi Thị Á (mẹ đẻ các nguyên đơn) và suối gồm các điểm 48, 47, 54, 53, 52, 51.

- Phía Nam giáp đất của bà Bùi Thị Á (mẹ đẻ các nguyên đơn) gồm các điểm 51, 50.

- Phía Bắc giáp đất hành lang suối gồm các điểm 48, 49.

(Theo sơ đồ mảnh trích đo địa chính số 44-2020 ngày 20/8/2020 được công bố kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 21/10/2020)

* Quyền và nghĩa vụ chung của các đương sự: Các đương sự quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện việc đăng ký, cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng với diện tích đất các đương sự đã thỏa thuận theo quy định của pháp luật.

2.2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của anh Phan Văn M về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện B cấp cho các hộ gia đình (GCNQSD đất số 585268 cấp ngày 27/01/2005 cho hộ ông Phan Văn T, bà Hoàng Thị H; GCNQSD đất số 585267 cấp ngày 27/01/2005 cho hộ bà Phan Thị S, ông Nguyễn Cao C; GCNQSD đất số 127260 cấp ngày

08/3/2006 cho hộ anh Lê Đức D, chị Phan Thị T; GCNQSD đất số 585269 cấp ngày 27/01/2005 cho bà Nguyễn Thị T).

3. Về chi phí tố tụng, án phí:

- Về chi phí tố tụng: Anh Phan Văn M chịu toàn bộ số tiền chi phí xem xét thẩm định. Trong đó: Tiền đo đạc theo Hợp đồng ký kết với Văn phòng đăng ký đất đai Sở TN&MT tỉnh Hà Giang là: 24.165.753đ. (Hai mươi bốn triệu một trăm sáu mươi lăm nghìn bảy trăm năm mươi ba đồng); tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là: 5.650.000đ (Năm triệu sáu trăm năm mươi nghìn). Tổng cộng: 29.815.753đ (Hai mươi chín triệu tám trăm mười lăm nghìn bảy trăm năm mươi ba đồng). Đã thi hành xong.

- Về án phí: Anh M chịu toàn bộ án phí DSST là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí anh M đã nộp theo biên lai thu số 02657 ngày 02 tháng 7 năm 2019 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Cục THAND tỉnh Hà Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Xuân